

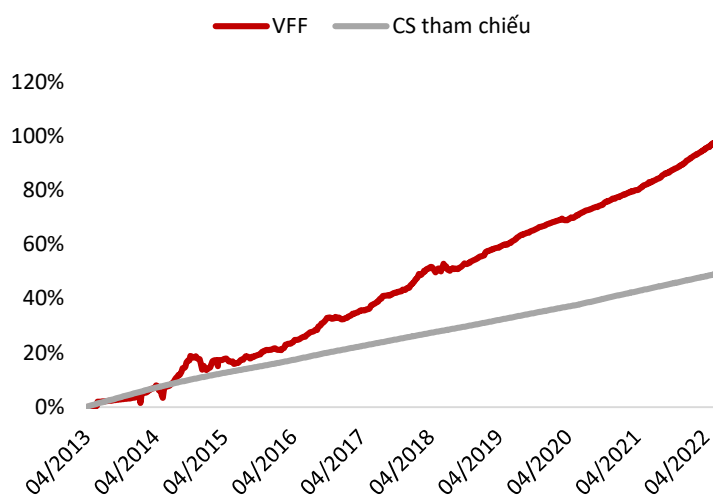
VFF

Chiến lược đầu tư

Mang lại lợi nhuận hấp dẫn và ổn định từ vốn đầu tư gia tăng giá trị, trái tức và các công cụ gia tăng giá trị khác.

Tối thiểu 80% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ phân bổ vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, trái phiếu địa phương, giấy tờ có giá phát hành bởi các tổ chức tín dụng hàng đầu, và công cụ tiền gửi tiết kiệm ngắn hạn.

### Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập



Số liệu thể hiện là kết quả đầu tư trong quá khứ, không đại diện cho kết quả đầu tư trong tương lai. Sẽ có biến động đối với vốn gốc và lợi nhuận đầu tư do đó NĐT có thể lời hoặc lỗ khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số liệu được trích dẫn tại báo cáo này.

### Hiệu suất đầu tư của quỹ VFF

	VFF	CSTC
Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	664.2	
Giá trị tài sản ròng/CCQ (VNĐ)	19,798.2	
Lợi nhuận tháng 05/2022 (%)	0.8	0.5
Lợi nhuận từ đầu năm 2022 (%)	3.6	2.3
Lợi nhuận trung bình 3 năm (%)	7.2	5.1
Lợi nhuận trung bình hàng năm từ khi thành lập(%)	7.7	4.4
Lợi nhuận từ ngày thành lập (%)	98.0	49.0

\* CSTC: Chỉ số tham chiếu

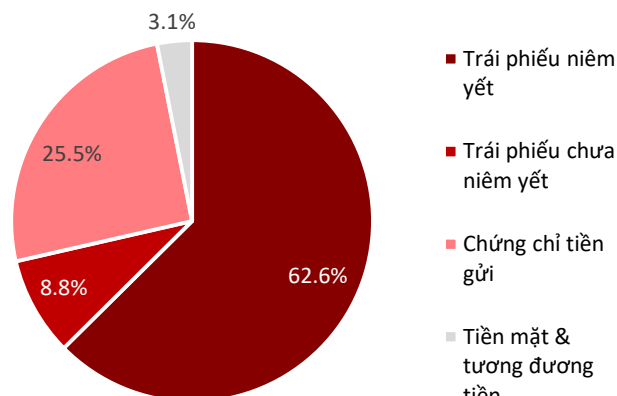
(Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: [irwm@vinacapital.com](mailto:irwm@vinacapital.com)

Tel: +84 28 38 27 85 35

### Phân bổ tài sản

#### % Giá trị tài sản ròng



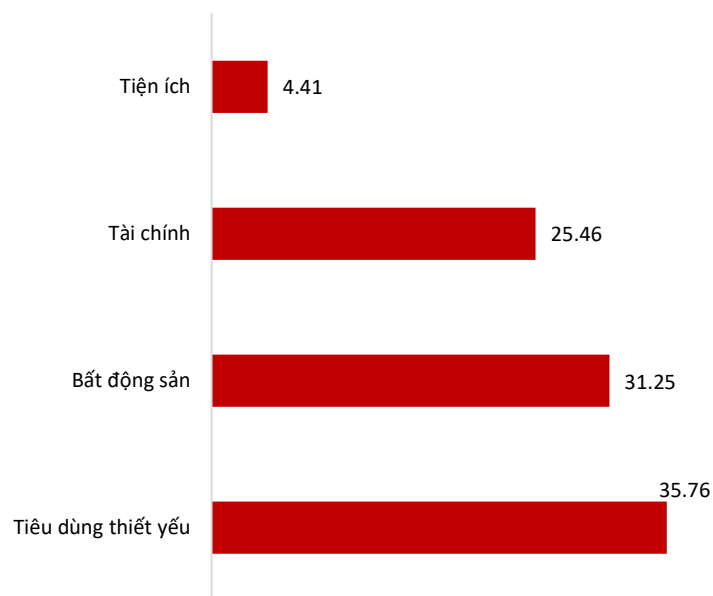
### Thông tin quỹ

Ngày thành lập	1/4/2013
Phí quản lý	0.95%/năm
Phí phát hành	0.0%
Phí mua lại	2.0% < 12 tháng
	0.5% >= 12 tháng
	0.0% >= 24 tháng
Mức đầu tư tối thiểu	2.000.000 VNĐ / ~90 USD
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Thứ Ba đến thứ Năm hàng tuần
	Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 ngân hàng cổ phần thương mại nhà nước gồm Vietcombank, BIDV, VietinBank và Agribank.
Chỉ số tham chiếu	

### Chỉ số danh mục đầu tư

Thời gian đáo hạn bình quân	1.17
Lợi suất khi đáo hạn (%)	8.57

Phân bố theo ngành



Danh mục đầu tư lớn

Tổ chức phát hành	Tỉ trọng (%)	Lợi suất (%)	Chu kỳ đáo hạn (năm)
KBC	15.9	10.3	0.9
MML	14.3	9.0	3.4
VIET CREDIT	13.0	8.5	0.9
MSN	11.6	5.2	0.7
SBT	9.8	9.7	1.5

Cập nhật thị trường và quỹ VFF

Sau khi tăng trong tháng 4, lãi suất liên ngân hàng đã quay đầu giảm trong tháng 5 bởi tăng trưởng tín dụng chậm lại. Nguyên nhân là các ngân hàng thương mại đã gần chạm room tín dụng do NHNN cấp. Tính tới ngày 31 tháng 5, tăng trưởng tín dụng đạt 8,03% so với đầu năm, tương đương tốc độ tăng 16,9% so với cùng kỳ năm trước. Các ngân hàng thương mại sẽ phải giảm tốc tăng trưởng tín dụng cho tới khi NHNN nới room tín dụng. Do đó, lãi suất liên ngân hàng đóng cửa tại 0,67% một năm với kỳ hạn qua đêm (giảm 163 điểm cơ bản so với tháng trước và giảm 80 điểm cơ bản so với cùng kỳ); và đóng cửa tại 1,5% một năm (giảm 113,3 điểm cơ bản so với tháng trước và giảm 11,4 điểm cơ bản so với cùng kỳ) với kỳ hạn 1 tuần.

Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tiếp tục tăng đều các kỳ hạn, đi theo diễn biến lãi suất trên thị trường quốc tế. Cụ thể, lợi suất trái phiếu tăng khoảng 5-15 điểm cơ bản so với tháng trước, và tăng từ 40-137 điểm cơ bản so với đầu năm. Trên thị trường sơ cấp, khối lượng trúng thầu trái phiếu bất ngờ tăng, đạt 7,9 nghìn tỷ đồng TPCP, tăng 71,2% so với tháng tuy nhiên vẫn giảm giảm 82,1% so với cùng kỳ. Mặc dù cả lực cầu và cung vẫn còn yếu. Giá trị chào thầu giảm 11,9% so với tháng trước và giảm 61,5% so với năm trước; trong khi đó tỷ lệ đặt thầu cũng chỉ đạt 1,4 lần so với mức 1,6 lần tại tháng 4. Do đó, lãi suất trúng thầu tăng khoảng 10-15 điểm cơ bản so với tháng trước.

Trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp, có khoảng 37,9 nghìn tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp được phát hành trong tháng thông qua phát hành riêng lẻ, (giảm 27% so với cùng kỳ năm trước); và một đợt phát hành trái phiếu quốc tế trị giá 525 triệu đô la Mỹ từ tập đoàn Vingroup. Về cơ cấu phát hành, nhóm ngành ngân hàng và bất động sản tài chính xếp vị trí thứ nhất và thứ hai về giá trị phát hành; chiếm 67,1% và 21,5%. Nhóm ngành bất động sản đã chứng kiến sự ấm lên trở lại với 8,5 nghìn tỷ được phát hành, so với mức chỉ 1,7 nghìn tỷ được phát hành trong tháng 4; tuy nhiên so với cùng kỳ năm trước vẫn có sự sụt giảm rõ rệt, giảm 45% so với cùng kỳ.

Lợi nhuận hằng tháng

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	LN từ đầu năm
2020	0.4%	0.5%	-0.3%	0.5%	0.9%	0.6%	0.4%	0.5%	0.4%	0.7%	0.6%	0.3%	5.7%
2021	0.6%	0.5%	0.4%	0.6%	0.6%	0.6%	0.6%	0.9%	0.5%	0.6%	0.7%	0.9%	7.7%
2022	0.8%	0.6%	0.7%	0.7%	0.8%								3.6%

Thông tin quan trọng

Những thông tin trong đây do Công ty cổ phần quản lý Quỹ VinaCapital (“Công ty”) soạn thảo và có thể được cập nhật, hoàn chỉnh, sửa đổi, điều chỉnh và xác nhận thêm mà không cần phải thông báo.

Thông tin không cấu thành hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc ga gắm mua hoặc đăng ký mua bất kỳ cổ phiếu nào cũng như không tạo thành cơ sở hoặc liên quan đến hoặc hành động như là sự thuyết phục tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước lượng hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ xác nhận hoặc cập nhật những thông tin trong tương lai nếu sự ước lượng hoặc ý kiến về tình huống hoặc quản lý thay đổi.